

Số: 34/2019/QĐST-KDTM

Thành phố H, ngày 21 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2019/TLST-KDTM ngày 23 tháng 01 năm 2019;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ. Địa chỉ: 25 T, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T; chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Vũ Đình K; chức vụ: Phó tổng giám đốc (Theo giấy uỷ quyền số 359/2018/UQ- SEABANK của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ ngày 20/4/2018).

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Bùi Quang R, sinh năm 1986; chức vụ: chuyên viên xử lý nợ Miền Trung (Theo giấy uỷ quyền số 9684/2018 ngày 24/7/2018).

Địa chỉ: 23 H, phường P, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Ông Hoàng Mạnh L, sinh năm 1964; Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1973; Cùng địa chỉ: Tổ 2, tổ dân phố 1, thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Cu: Ông Hoàng Mạnh U, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ 2, tổ dân phố 1, thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Ông Hoàng Mạnh L và bà Nguyễn Thị C công nhận còn nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền nợ gốc, lãi tính đến ngày 13/5/2019 là: 521.953.321 đồng (Trong đó nợ gốc là: 435.450.434 đồng, nợ lãi: 86.502.887 đồng).

2.2. Về phương thức thanh toán:

Vào ngày 13/8/2019 ông Hoàng Mạnh L, bà Nguyễn Thị C sẽ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ toàn bộ số nợ gốc, lãi tính đến ngày 13/5/2019 là: 521.953.321 đồng (Năm trăm hai mươi một triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi một đồng).

Ông Hoàng Mạnh L, bà Nguyễn Thị C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc kể từ ngày 14/5/2019 cho đến khi thanh toán hết số nợ trên theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp vợ chồng ông Hoàng Mạnh L, bà Nguyễn Thị C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông , bà Nguyễn Thị C đã thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 143, tờ bản đồ số 10, diện tích 5934,8 m² tại địa chỉ Cụm I, thị trấn A, tỉnh Thừa Thiên Huế theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số W 565802 do Ủy ban nhân dân huyện A , tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 06/6/2005 mang tên bà Nguyễn Thị Kim C, ông Hoàng Mạnh L, được điều chỉnh ngày 22/6/2016 thành tên bà Nguyễn Thị C, ông Hoàng Mạnh L. (Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10733/HĐTC/2016 ngày 29/6/2016 tại phòng công chứng số 2 tỉnh thừa thiên Huế).

2.4. Về chi phí thẩm định giá tài sản: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thoả thuận chịu và đã nộp đủ.

2.5. Về án phí tranh chấp: Do các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án trong phiên hoà giải nên phải chịu án phí tranh chấp theo quy định là: $[20.000.000 \text{ đồng} + (4\% \times (521.953.321 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng}))]/2 = 12.439.000 \text{ đồng}$ (làm tròn). Bị đơn là ông Hoàng Mạnh L, bà Nguyễn Thị C thoả thuận chịu toàn bộ án phí tranh chấp là 12.439.000 đồng. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí 11.234.000 đồng tại biên lai số AA/2013/007625 ngày 18/01/2019 của Chi cục thi hành án Thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND Thành phố H;
- CCTHADS Thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu KDTM.

THẨM PHÁN

Trương Thị Đào Vi